

Bản án số: 45/2023/HNGĐ-ST

Ngày 28/7/2023

“Về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HD**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hà;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Lan và bà Ngô Thị Thời;

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Hồng Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố HD.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố HD tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Văn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố HD, xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý sơ thẩm số 400/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2023 về ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14/7/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Th, sinh năm 1986; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Số 11 ngõ 22 phố V, khu T, phường T, thành phố HD, tỉnh Hải Dương (vắng mặt);

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thành Tr, sinh năm 1977; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn P, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Phước (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời khai của nguyên đơn chị Đỗ Thị Th thể hiện:* Chị và anh Nguyễn Thành Tr được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố HD vào ngày 19/01/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng cùng vào tỉnh Bình Phước để làm ăn, sinh sống. Đến tháng 6/2013, chị về thành phố HD sinh con và ở đó luôn, còn anh Tr vẫn thi thoảng đi lại thăm vợ con. Khoảng năm 2016, vợ chồng xảy ra bất đồng quan điểm về kinh tế, công việc và chỗ ở nên xảy ra cãi nhau. Từ đó, vợ chồng không liên lạc và tình cảm ngày một dần nứt. Nay chị và anh Tr không chung sống cùng, không còn tình cảm, quan tâm và chia sẻ với nhau. Nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Tr.

Về con chung, chị và anh Tr có 01 con chung là Nguyễn Thành H, sinh ngày 18/7/2013. Con chung đang ở cùng với chị và do chị chăm sóc từ nhỏ. Nên khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con. Cấp dưỡng nuôi con, hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vợ chồng chị chung sống không có tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp chung với gia đình hai bên nên chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Hiện nay, anh Tr cư trú và sinh sống làm ăn ở thôn P, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Phước. Trước khi chị làm thủ tục ly hôn, chị và anh Tr thống nhất lựa chọn Toà án nhân dân thành phố HD là Toà án có thẩm quyền để giải quyết vụ án.

** Theo lời khai của bị đơn anh Nguyễn Thành Tr thể hiện tại Bản trình bày ý kiến, quan điểm giải quyết vụ án có xác nhận của UBND xã T, huyện L, tỉnh Bình Phước ngày 03/7/2023:* Việc kết hôn và quá trình chung sống của vợ chồng như chị Th trình bày. Từ tháng 6/2013, chị Th về thành phố HD sinh sống còn anh ở tỉnh Bình Phước. Năm 2016, vợ chồng xảy ra bất đồng quan điểm nên thường xảy ra cãi nhau qua điện thoại. Từ đó, tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, không liên lạc và thăm gặp nhau. Nay anh và chị Th không còn tình cảm, không thể sống cùng. Nên anh đồng ý ly hôn với chị Th.

Về con chung, anh và chị Th có 01 con chung như chị Th trình bày. Khi ly hôn, anh nhất trí để chị Th nuôi con. Cấp dưỡng nuôi con, anh và chị Th tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết.

Vợ chồng chung sống không có tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp chung với hai bên gia đình nên anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Hiện nay, anh cư trú và sinh sống ở thôn P, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Phước. Anh và chị Th đều thống nhất lựa chọn Toà án nhân dân thành phố HD để giải quyết vụ án. Vì ở xa, anh đề nghị giải quyết vụ án vắng mặt và uỷ quyền cho anh Đỗ Văn Q, sinh năm 1984; Địa chỉ: Số nhà 11 ngõ 22 phố V, khu T, phường T, thành phố HD, tỉnh Hải Dương, số căn cước công dân 030084017864 cấp ngày 16 tháng 11 năm 2022 thay anh nhận các văn bản tố tụng của Toà án cũng như sau này nhận bản án của Toà án.

** Ý kiến của anh Đỗ Văn Q:* Anh Q nhất trí nhận uỷ quyền trên của anh Tr.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố HD phát biểu quan điểm: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa tiến hành thụ lý, thu thập tài liệu chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát theo đúng quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS). Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) tuân thủ đúng quy định về trình tự tại phiên tòa sơ thẩm của BLTTDS. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS. Ý kiến về giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Xử cho chị Đỗ Thị Th được ly hôn với anh Nguyễn Thành Tr. Giao cho chị Th được quyền nuôi dưỡng con chung. Cấp dưỡng nuôi con, hai bên tự thoả thuận nên Toà án không giải quyết. Về quan hệ tài sản, do các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết. Chị Th phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn có nơi cư trú số 11 ngõ 22 phố V, khu T, phường T, thành phố HD, tỉnh Hải Dương yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con với bị đơn có nơi cư trú thôn P, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Phước. Các đương sự đều thống nhất lựa chọn Tòa án nơi cư trú của nguyên đơn có thẩm quyền giải quyết. Nên vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố HD, quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Nguyên đơn và bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng cả hai có văn bản xin được giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 BLTTDS, HĐXX xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Th và anh Nguyễn Thành Tr kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn Ủy ban nhân dân phường T, thành phố HD vào ngày 19/01/2013. Nên hôn nhân của chị Th và anh Tr là hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng mỗi người ở một nơi, anh Tr ở tỉnh Bình Phước, chị Th ở tỉnh Hải Dương. Từ năm 2016, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm về mọi mặt. Nên vợ chồng không liên lạc và quan tâm đến nhau. Cả hai đều không còn tình cảm, không muốn chung sống cùng nhau và đồng ý ly hôn. Xét mâu thuẫn của vợ chồng đã kéo dài, mức độ căng thẳng và trầm trọng. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị Đỗ Thị Th, cho chị Th được ly hôn với anh Tr.

- Về con chung: Chị Th và anh Tr có 01 con chung là Nguyễn Thành H, sinh ngày 18/7/2013. Nguyên vọng của con chung muốn được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Nay chị Th và anh Tr đều thống nhất thoả thuận chị Th nuôi dưỡng con chung, cấp dưỡng nuôi con tự thoả thuận. Xét yêu cầu này của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của con và phù hợp với các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình nên được HĐXX chấp nhận.

- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp chung, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên quan hệ này Tòa án không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Th là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Cho chị Đỗ Thị Th được ly hôn anh Nguyễn Thành

Tr.

2. *Về con chung*: Chị Đỗ Thị Th và anh Nguyễn Thành Tr có 01 con chung là Nguyễn Thành H, sinh ngày 18/7/2013.

Sau khi ly hôn, chị Đỗ Thị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Nguyễn Thành H cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác. Chị Th và anh Tr tự thỏa thuận cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Anh Nguyễn Thành Tr có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Chị Đỗ Thị Th phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0000276 ngày 30/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố HD (đã nộp xong).

4. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Hải Dương;
- Chi cục THADS TP. Hải Dương;
- UBND P. Tứ Minh, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương (kết hôn năm 2013);
- Các đương sự;
- Lưu Tòa;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Hà